

TẠP CHÍ

GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI

Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC CỦA HIỆP HỘI
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917

**CHÀO MỪNG 74 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG 8
VÀ QUỐC KHÁNH 2/9 (1945 - 2019)**



Số Đặc biệt 8/2019

- 343 **Nguyễn Việt Đức - Nguyễn Thế Viên:** Đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đào tạo sinh viên dân sự ở Học viện Hậu cần hiện nay - Improving form of examination and assessment in teaching Marxism-Leninism and Ho Chi Minh thought for students at Military Academy of Logistics.
- 350 **Nguyễn Thị Thúy Nga:** Ứng dụng âm nhạc và phương pháp giáo dục Montessori để nâng cao hiệu quả hoạt động vẽ cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi ở Trường Mầm non Hùng Vương, thị xã Phú Thọ - Applying music and Montessori method to improve effectiveness of drawing activity for 5 year old preschoolers at Hung Vuong kindergarten, Phu Tho township.
- 357 **Phan Thanh Hùng:** Giảng dạy và lồng ghép kỹ năng mềm trong chuyên môn tại Trường Đại học Trà Vinh - Soft skills teaching and integrating soft skills in professional teaching at Tra Vinh University.
- 364 **Đào Thị Mai:** Giáo dục sức khỏe sinh sản cho nữ sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Reproductive health education for female high school students in Hai Phong.
- 368 **Vũ Thị Hải Bình:** Đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe, nói môn Tiếng Anh cho sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên - Innovating teaching methods of listening and speaking skills in English for students of Thai Nguyen Industrial College.
- 372 **Hoàng Mai Anh:** Sử dụng phương pháp trò chơi tạo động cơ học Tiếng Anh cho sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên - Using game methods to create English learning motivation for students of Thai Nguyen Industrial College.
- 377 **Hà Thị Hạnh:** Phát triển năng lực tiếng Việt cho học sinh dân tộc Ê Đê qua dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường trung học phổ thông - Developing Vietnamese capacity for Ede students through teaching reading literary text in high school.
- 382 **Nguyễn Thị Thúy - Ngô Thị Mây Ước:** Nâng cao hiệu quả học tập môn Nguyên lý 1 cho sinh viên Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên - Improving learning efficiency of Principle 1 for Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry.
- 386 **Đỗ Thị Hằng:** Động lực học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung - Learning motivation of economic students at Vietnam - Hung University of Industry.
- 389 **Phan Thị Lan:** Nâng cao hiệu quả học Tiếng Anh online của sinh viên Trường Đại học Tân Trào - Enhancing effectiveness of learning English online of Tan Trao University.
- 399 **Đỗ Thu Hương:** Một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân - Some basic solutions to innovate methods of examining, evaluating political theories learning outcomes for students at People's Public Security University of Technology - Army Ordnance.
- 403 **Hoàng Thị Lam:** Vận dụng mô hình quản lý chất lượng tổng thể trong quản lý đào tạo nghề ở Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Thanh Hóa - Apply the general quality management model in the management of vocational training in Thanh Hoa Transport Vocational School.
- 409 **Phan Thị Hồng Lan:** Quản lý công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật tại Trường Tiểu học Kim Đồng, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình - Management of integration education for students with disabilities at Kim Dong Primary School, Thai Binh city, Thai Binh province.
- 413 **Hồ Thị Hương:** Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Thanh Hóa theo chuẩn nghề nghiệp - Professional training management for teachers in Thanh Hoa Transport Vocational School based on professional standards.
- 418 **Nguyễn Thị Thanh Trang:** Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp ở các Trường Mầm non huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp - Managing vocational training for preschool teachers according to professional standards in preschools in Cao Lanh district, Dong Thap province.
- 423 **Lâm Thị Yên:** Nâng cao kỹ năng đọc sách, tài liệu trong hoạt động tự học môn Giáo dục chính trị cho sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên - Improve skills in reading books and materials in self-study of Political Education for students at Thai Nguyen Industrial College.
- GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI - OVERSEAS EDUCATION**
- 427 **Cheethao Xiong Yer:** Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào - Management

GIẢNG DẠY VÀ LỒNG GHÉP KỸ NĂNG MỀM TRONG CHUYÊN MÔN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

PHAN THANH HÙNG
Trường Đại học Trà Vinh

Nhận bài ngày 31/7/2019. Sửa chữa xong 02/8/2019. Duyệt đăng 03/8/2019.

Abstract

The age of the 4th Industrial Revolution, soft skills are an important criterion for recruiting personnel. Catching up with that trend, Tra Vinh University has created many favorable conditions for learning soft skills through teaching these skills as a formal module and through integrating soft skills in specialized teaching. Within the scope of this article, a survey of 250 students from different field of study was conducted and in-depth interviews were created to learn about soft skills teaching and integrating soft skills in professional teaching at Tra Vinh University. The survey show that professional teaching also creates a good environment for students to practice and identify soft skills. In addition to this, soft skills also make it easier for teachers to design diversified teaching activities and interesting.

Keywords: Soft skills, soft skills and professional teaching, soft skills teaching.

1. Đặt vấn đề

Khoa học công nghệ phát triển như vũ bão đã tác động trực tiếp đến sự phát triển của nền giáo dục thế giới và làm thay đổi nhiều phương diện của triết lý giáo dục thế kỉ XXI trong việc đào tạo con người mới. Thật vậy, trong giai đoạn này, chúng ta cần có sự đổi mới và đặc biệt là đổi mới trong giáo dục đào tạo bậc đại học. Sinh viên (SV) khi ra trường bên cạnh những kiến thức về chuyên môn, khoa học công nghệ thì các kỹ năng cũng là điều không thể thiếu. Đó chính là các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng hoạt động trong cộng đồng và khả năng lập nghiệp. Hơn nữa, xã hội hiện nay đang đặt nhiều sự quan tâm về kỹ năng mềm (KNM) - điều mà các triết lý giáo dục trước đây ít quan tâm tới. Để làm được điều này, việc giảng dạy KNM được triển khai thực hiện rộng rãi ở nhiều trường Đại học trên cả nước. Không chỉ giảng dạy KNM như một học phần riêng biệt mà việc lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn cũng là một xu hướng mới trong đào tạo. Nó không chỉ mang đến hơi thở mới cho giảng dạy chuyên môn mà thông qua đó, SV lại được thực hành và rèn luyện các KNM của bản thân mình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan những nghiên cứu về KNM và lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn

2.1.1. Nghiên cứu nước ngoài

Năm 2007, Artur Ferreira da Silva, José Tribolet, giảng viên (GV) Trường ĐH Kỹ thuật Lisbon đã trình bày tham luận "Developing soft skills in engineering studies - The experience of students' personal portfolio" tại hội nghị quốc tế về giảng dạy kỹ thuật. Trong bài viết, tác giả đã trình bày kinh nghiệm thực tế trong 15 năm (tập trung vào 6 học kỳ) đào tạo KNM cho SV kỹ thuật thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các buổi thực hành trong chương trình mang tên "Personal Portfolio".

Năm 2008, bài viết: "The Importance of Soft Skills: Education beyond academic knowledge" đăng trên Journal of Language and Communication của tác giả Bernd Schulz cũng đã bàn về khái niệm KNM và tầm quan trọng của KNM trong đời sống SV cả trong lẫn ngoài trường học.

Cũng quan tâm đến vai trò của KNM đối với SV, bài viết: "Need and Importance of soft skills in students" đăng trên Journal of Literature, Culture and Media studies của tác giả S. Mangala Ethaiya Rani (2010) cho rằng KNM được biết đến với tên gọi khác là "trí thông minh cảm xúc" đóng góp 85%

thành công của một cá nhân và khẳng định KNM sẽ giúp SV tăng cơ hội việc làm của họ và đối mặt với những thách thức ở thời điểm hiện tại. Năm 2012, một cuốn sách khác đã được dịch sang tiếng Việt và xuất bản như: "Sự thật cứng về kỹ năng mềm" (The Hard Truth About Soft Skills) của Peggy Klaus - Dịch giả: Thanh Huyền, do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành. Ngoài ra còn có bài viết "Teaching Soft Skills to Engineers" của Susan H. Pulko và Samir Parikh đăng trên International Journal of Electrical Engineering Education. Hai tác giả đề cập đến một số phương pháp giảng dạy KNM cho SV khối kỹ thuật như: làm bài tập nhóm, công não, mô phỏng,...

Năm 2013, bài viết: "Importance of soft skills in students' life" đăng trên Cyber Literature: The International Online Journal của Sharayu Potnis cũng đã bàn về định nghĩa và tầm quan trọng của các KNM nhằm bắt kịp nhu cầu phát triển trong cuộc sống hiện đại của một sinh viên.

Như vậy, nhìn chung tất cả các bài viết trên đều khẳng định tầm quan trọng của KNM đối với SV kể cả trong học tập lẫn trong cuộc sống. KNM không chỉ giúp SV tăng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp họ thành công hơn trong sự nghiệp mà còn hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, các bài viết đều đề cập đến vai trò của GV, các nhà giáo dục trong việc đào tạo KNM cho SV với nhiều cách thức khác nhau. Một trong những phương pháp hiệu quả là kết hợp đào tạo KNM với các khóa học chuyên ngành. Tuy nhiên, trong giới hạn các tài liệu mà tác giả có thể tiếp cận được chưa có nghiên cứu nào đánh giá nhu cầu và thực trạng KNM của SV.

2.1.2. Nghiên cứu trong nước

Bài viết: "Những kỹ năng mềm giúp sinh viên mới ra trường thuyết phục nhà tuyển dụng" của Nguyễn Bá Dương trong hội thảo doanh nghiệp của Trường Đại học Lạc Hồng, đã chỉ ra trong thực tiễn, điều mà các bạn SV mới ra trường cần có để được các nhà tuyển dụng mời vào làm việc là bạn hãy thể hiện được khả năng của mình chỉ trong vài phút ít ỏi tiếp xúc với phòng vấn viên. Bài viết: "Cải thiện kỹ năng mềm cho sinh viên: hãy trao cho các em cơ hội" của TS. Vũ Thế Dũng-Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh đã đề cập đến sự cần thiết phải bổ sung các KNM cho SV trong giai đoạn hiện nay. Bài viết "Khảo sát một vài biện pháp phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm" của Huỳnh Văn Sơn đề cập đến việc khảo sát 3 biện pháp phát triển các KNM cho SV Đại học Sư phạm: định hướng nghiên cứu có hệ thống về KNM, tổ chức khóa huấn luyện về KNM cho SV sư phạm với tên gọi "Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên sư phạm" và lồng ghép huấn luyện KNM cho SV Đại học Sư phạm thông qua các hoạt động ngoại khóa. Bài viết "Kết hợp rèn luyện kỹ năng mềm trong giảng dạy - giải pháp tạo hứng thú học tập môn "Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin" cho sinh viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0" được đăng trên Tạp chí Giáo dục, Số 430 (Kì 2 - 5/2018), tr. 61-64 của tác giả Đinh Thanh Xuân.

Có thể thấy rằng, việc nghiên cứu vận dụng KNM trong giảng dạy chuyên môn là hướng tiếp cận cần thiết trong thời hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy lẫn rèn luyện KNM trong SV. Để thực hiện bài viết này, chúng tôi xem những công trình trên là nguồn tài liệu tham khảo quý báu, là cơ sở nền tảng cho những nghiên cứu trong bài viết của mình.

2.2. Giảng dạy KNM tại Trường Đại học Trà Vinh

2.2.1. KNM được xem như một học phần bắt buộc tại Trường Đại học Trà Vinh

Nhận thức được xu thế phát triển của xã hội, từ tháng 8 năm 2013, Trường Đại học Trà Vinh đã ban hành quyết định số 564/QĐ-ĐHTV về việc quy định KNM là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo từ khóa 2012. Theo quyết định thì KNM là học phần bắt buộc (02 TC: 01 LT, 01 TH) trong chương trình đào tạo hệ chính quy ở các bậc Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp (Đối với các lớp tổ chức đào tạo tại trường). Để công nhận hoàn thành học phần này, mỗi SV cần phải đăng ký tham gia ít nhất 05 khóa tập huấn KNM do Trường Đại học Trà Vinh tổ chức và được cấp chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn.

Đối với SV khóa 2012, chỉ áp dụng cho bậc Đại học, cụ thể như sau: Trong năm thứ hai: SV phải đăng ký tập huấn 02 KNM (kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu hiệu quả; và kỹ năng

thuyết trình). Từ năm thứ ba trở đi: SV phải đăng kí tập huấn 03 kỹ năng trong số các kỹ năng được tổ chức. SV tự chọn kỹ năng phù hợp với lĩnh vực, nghề và khả năng của mình.

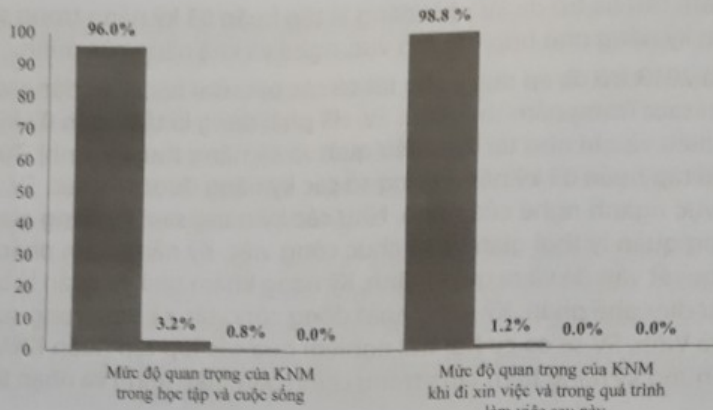
Đối với SV khóa 2013 trở đi, áp dụng cho tất cả các bậc: Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp, cụ thể như sau: Trong năm thứ nhất, SV, HS phải đăng kí tập huấn 02 kỹ năng (Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu hiệu quả; và Kỹ năng thuyết trình). Từ năm thứ hai trở đi: SV, HS phải đăng kí tập huấn 03 kỹ năng trong số các kỹ năng được tổ chức. SV, HS tự chọn kỹ năng phù hợp với lĩnh vực ngành nghề của mình. Như các kỹ năng sau: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, Kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột; Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, Kỹ năng khám phá và quản lý bản thân, Kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy phê phán, Kỹ năng hoạt động công tác xã hội. Trong suốt quá trình học tại Trường Đại học Trà Vinh, SV sẽ có cơ hội trải nghiệm qua các lớp tập huấn KNM. Qua đó các em sẽ được đánh thức những kỹ năng tiềm tàng trong chính bản thân mình và nhận thức rõ hơn cách vận dụng chúng.

2.2.2. Giảng dạy kỹ năng mềm làm thay đổi nhận thức của SV Trường Đại học Trà Vinh

Hiện nay cùng với năng lực chuyên môn, KNM cũng là một yếu tố rất quan trọng để đánh giá nguồn nhân lực hiện đại. Nhận thức được tình hình thực tế, từ năm 2013 KNM đã được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức tại Trường Đại học Trà Vinh. Nhờ vậy SV ở đây cũng có những suy nghĩ khác đi trong nhận thức về KNM. Để đánh giá về nhận thức đó, chúng tôi đã tiến hành cuộc khảo sát với 250 SV kết hợp một số phỏng vấn sâu. Đối tượng SV được chia làm hai nhóm: nhóm SV năm nhất (125 SV khóa 2018), nhóm SV năm cuối (125 SV khóa 2015) được chọn ngẫu nhiên đến từ nhiều ngành thuộc trường. Sở dĩ đối tượng SV được chia nhóm như thế bởi theo tình hình thực tế thì SV chính quy năm nhất tại Trường Đại học Trà Vinh các em chưa được trải qua hết tất cả các lớp KNM mà có thể chỉ được tập huấn 02 kỹ năng (Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu hiệu quả; Kỹ năng thuyết trình) và SV năm nhất cũng chưa vào học các môn chuyên ngành, còn SV năm cuối thì đã hoàn thành hết các lớp học về KNM đồng thời cũng có tham gia nhiều hoạt động chuyên ngành nên người viết dự đoán sẽ có những khác nhau nhất định trong nhận thức về KNM đối với SV trong thời đại công nghiệp 4.0 giữa hai nhóm đối tượng này.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Nói về quan niệm của SV về KNM: mỗi SV có cách hiểu riêng về KNM nhưng có thể chia thành hai nhóm: trước hết là nhóm SV năm nhất: 90% SV hiểu KNM đơn giản là những kỹ năng cần thiết cho việc học tập. Trong đó, 10% còn lại cho rằng KNM là những kỹ năng cần thiết giúp con người sống tốt, giao tiếp tốt và giúp ích cho bản thân khi đi làm. Trong khi đó, đối với SV năm cuối thì các em hiểu về KNM một cách cụ thể chi tiết hơn. Có thể nêu một số ý kiến như: "kỹ năng mềm kỹ năng mà nhà trường trang bị cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có được những kinh nghiệm cũng như những trải nghiệm trong việc học tập và tương lai; "kỹ năng mềm là loại kỹ năng hình thành trong quá trình sống, học tập và làm việc, không phải là các kiến thức khoa học hàn lâm"; "kỹ năng mềm là kỹ năng sẽ hỗ trợ cho kỹ năng cứng, là những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, ...". Qua cách hiểu trên của SV cũng như qua những câu trả lời khác trên phiếu khảo sát, có thể nhận định rằng dù hiểu theo cách đơn giản hay hiểu một cách chi tiết, cụ thể thì nhìn chung SV đã nhìn nhận được KNM rất quan trọng đối với bản thân.

Khi được hỏi "Trong thời đại công nghiệp 4.0, KNM quan trọng như thế nào trong việc học tập, cuộc sống, khi đi xin việc và trong quá trình làm việc sau này" kết quả SV trả lời với kết quả nhận được như sau (xem biểu đồ 1).



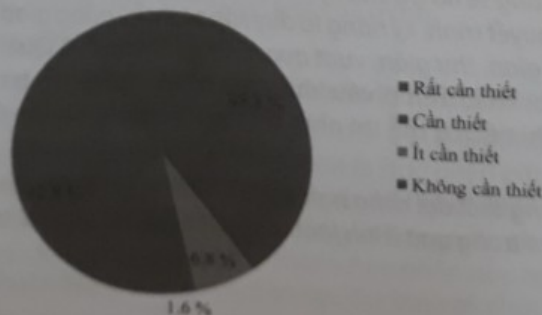
Biểu đồ 1: Mức độ quan trọng của kỹ năng mềm

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu khảo sát, năm 2019)

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết SV đều nhận thấy được tầm quan trọng của KNM. Trong học tập và cuộc sống thì 96.0% SV cho là rất quan trọng; 3,2% cho là quan trọng. Tuy nhiên vẫn có 0,8% (02 SV) đánh giá là ít quan trọng, số lượng SV đánh giá ở mức ít quan trọng rơi vào nhóm SV năm nhất, điều đó cho thấy tại thời điểm này, một số ít SV vẫn chưa ý thức được tầm quan trọng của KNM trong học tập và cuộc sống. Nhận thức đó có thể sẽ được thay đổi trong quá trình được học tập và rèn luyện tại trường những năm tiếp theo. Bằng chứng là qua khảo sát, tất cả SV năm cuối đều đánh giá KNM ở mức độ rất quan trọng và quan trọng đối với bản thân trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Cũng qua khảo sát trên, chúng ta thấy hầu hết SV đều nhận thức được mức độ quan trọng của KNM khi đi xin việc và trong quá trình làm việc sau này. Trong số 250 SV được khảo sát thì có đến 247 SV (chiếm 98,8 %) cho rằng KNM là rất quan trọng, 3 SV (chiếm 1,2%) cho là quan trọng và không có SV nào cho là ít quan trọng hoặc không quan trọng. Đây là dấu hiệu đáng mừng, cho thấy các em đã nhận thức được những vấn đề quan trọng mà bản thân cần tích lũy và rèn luyện khi để chuẩn bị một hành trang vững chắc cho tương lai sau khi tốt nghiệp của chính mình.

Qua phân tích chúng ta thấy được sự thay đổi lớn trong nhận thức của SV về KNM so với các thế hệ trước đây (các thế hệ trước đây xem việc học tập chuyên môn là quan trọng hơn cả và ít chú ý đến KNM), nó phù hợp với xu thế con người mới, thời đại mới. Biểu hiện của nhận thức đó còn được thể hiện ở việc SV có ý thức cao trong việc chuẩn bị các tiền đề để đối diện với những yêu cầu, thử thách của môi trường làm việc sắp tới bằng việc các em tham gia học các lớp KNM tại trường, chủ động tham gia các hoạt động đoàn thể cũng như các xã hội nhằm tích lũy vốn kinh nghiệm cho bản thân. Vì hơn ai hết các em hiểu được sự tự tin của cá nhân trước môi trường mới tỉ lệ thuận với mức độ đáp ứng đó.



Biểu đồ 2: Mức độ cần thiết lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn
(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu khảo sát, năm 2019)

2.3. Lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn tại Trường Đại học Trà Vinh
 2.3.1. Lồng ghép KNM thông qua các hoạt động giảng dạy

Khi nói về việc cần thiết lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn thì chính bản thân SV cũng có những nhận định riêng về mức độ cần thiết này (xem biểu đồ 2).

Theo số liệu khảo sát, mức độ rất cần thiết và cần thiết nhận được sự đánh giá của đa số SV. Trong đó rất cần thiết chiếm 42,8% và cần thiết chiếm 48,8%. Điều này nói lên được SV đã có sự quan tâm đến KNM và các em đã nhận thức được trong học tập thì KNM cũng sẽ hỗ trợ các em rất nhiều điều vì thế việc lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn cũng là một yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên vẫn có 6,8% SV cho rằng việc lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn là không cần thiết. Điều này có thể nói là một thách thức đối với GV. Đòi hỏi GV cần thiết kế những bài giảng như thế nào để việc lồng ghép KNM trong giảng dạy có thể đạt được hiệu quả tốt hơn.

Thực tế giảng dạy cho thấy, Tại Trường Đại học Trà Vinh, mỗi GV khi đến lớp bên cạnh việc truyền đạt kiến thức chuyên môn thì qua đó còn rèn luyện cho SV các KNM trong quá trình giảng dạy. Điều đó được thể hiện rất rõ ở đề cương chi tiết được GV soạn cho mỗi học phần. Trong đề cương là một trong những nội dung bắt buộc mà GV cần chuẩn bị cho SV. Qua khảo sát 50 mẫu đề cương được thu thập ngẫu nhiên từ các học phần khác nhau cho thấy trong đề cương chi tiết, tất cả GV đều có thực hiện lồng ghép KNM trong giảng dạy, các kỹ năng đó bao gồm: KN thuyết trình, KN làm việc nhóm, KN tìm kiếm tài liệu, KN xử lý thông tin, kỹ năng làm việc cá nhân, KN giao tiếp, KN ứng dụng công nghệ thông tin, KN tư duy sáng tạo, kỹ năng phản biện, KN đàm phán và giải quyết xung đột, ... Điều này sẽ làm tiền đề để SV có thể vận dụng giải quyết những vấn đề của cuộc sống và công việc sau khi ra trường. Nó phù hợp với kết quả khảo sát từ SV về mức độ lồng ghép các kỹ năng mềm được GV vận dụng (xem bảng 1).

Kỹ năng	Tần số (người)	Tần suất (%)
KN giao tiếp	186	74,4
KN làm việc nhóm	200	80,0
KN quản lý thời gian và tổ chức công việc	109	43,6
KN đàm phán và giải quyết xung đột	72	28,8
KN giải quyết vấn đề và ra quyết định	93	37,2
KN khám phá và quản lý bản thân	45	18,0
KN thuyết trình	216	86,4
KN tư duy sáng tạo và tư duy phê phán	113	45,2
KN quản lý sự thay đổi	42	16,8
KN quản lý sự thay đổi	45	18,0
KN hoạt động công tác xã hội	135	54,0
KN tìm kiếm, đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu	49	19,6
KN quản lý: stress và tài chính cá nhân		

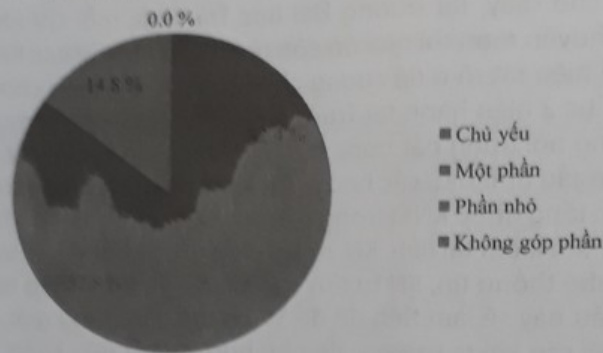
Bảng 1: Những KNM được GV lồng ghép trong giảng dạy chuyên môn
 (Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu khảo sát, năm 2019)

Bảng số liệu nói lên rằng, SV học được thêm rất nhiều KN qua việc vận dụng lồng ghép chúng trong quá trình giảng dạy chuyên môn. Có những KN được sử dụng rất nhiều và ở hầu hết các ngành như: KN thuyết trình (86,4%), KN làm việc nhóm (80,0%), KN giao tiếp (74,4%), KN tìm kiếm đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu (54,0%). Cũng có những KN được áp dụng với tần số ít hơn (như bảng trên) nhưng nhìn chung hầu hết các KN đều được vận dụng linh hoạt trong suốt quá trình giảng dạy. Thật vậy, trong các đề cương chi tiết mà người viết thu thập được trong số đó có 45 đề cương (chiếm 90,0%) tích hợp rèn luyện cho HS 04 KNM trở lên như: KN làm việc độc lập, KN làm việc nhóm, KN thuyết trình, KN tìm kiếm tài liệu và xử lý thông tin, KN quản lý thời gian, KN tư duy sáng tạo, KN phản

biện,... Trong số đó, 10% đề cương còn lại thì có từ 3 kỹ năng trở xuống và không có đề cương nào không có lồng ghép KNM.

2.3.2. Vai trò của việc lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn
a. Tạo môi trường để SV hình thành và rèn luyện kỹ năng mềm của bản thân

Thông qua các hoạt động giảng dạy GV đã tạo môi trường để SV rèn luyện và thực hành các KNM một cách thuận tiện và dễ dàng. Ở đó, các tình huống, các hoạt động, các bài tập, các dự án được tổ chức trên lớp và ở nhà chính là nhiệm vụ để SV thực hiện, với mỗi nhiệm vụ như thế đòi hỏi SV không chỉ dựa vào kiến thức của bản thân mà còn phải vận dụng những KNM mà mình có để thực hiện một cách tốt nhất. Mỗi tiết học đều là môi trường tốt để SV có thể thực hành các KNM của bản thân hay học thêm được những kỹ năng mới. Khi chúng tôi khảo sát với câu hỏi "Em đánh giá như thế nào về vai trò của việc giảng dạy chuyên môn trong hình thành KNM của sinh viên?" kết quả sau (xem hình 3).



Hình 3: Vai trò của việc giảng dạy chuyên môn trong hình thành KNM của SV

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu khảo sát, năm 2019)

Chúng ta thấy rằng, giảng dạy chuyên môn có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành KNM của SV. Tuy đây không phải là môi trường duy nhất để hình thành KNM, song SV đã học được rất nhiều KNM và cũng rèn luyện chúng một cách thường xuyên thông qua việc giảng dạy chuyên môn. Qua khảo sát, chúng ta thấy vai trò của KNM được đánh giá ở mức độ một phần chiếm 52,8% và chủ yếu chiếm 32,4%. Con số ấy nói lên vai trò của giảng dạy chuyên môn ảnh hưởng đến việc hình thành KNM ở mức độ cao. Tuy nhiên, vẫn có 14,8% SV cho rằng nó chỉ chiếm một phần nhỏ. Dù ở mức độ cao hay thấp thì việc giảng dạy chuyên môn vẫn có một mức độ ảnh hưởng nhất định đến hình thành KNM cho SV tại Trường Đại học Trà Vinh.

b. Giúp quá trình giảng dạy và học tập đạt hiệu quả hơn

Giảng dạy chuyên môn là một quá trình diễn ra có sự tương tác giữa GV và SV. Để việc giảng dạy đạt hiệu quả cao, người GV cần có những biện pháp giúp tổ chức lớp học sôi động, tạo hứng thú cho SV. Trong số đó, việc lồng ghép KNM trong giảng dạy được xem là một biện pháp đáng lưu ý. Nếu lớp học sẽ thụ động, không tạo được không khí để thu hút SV vì thế làm giảm hiệu quả của tiết dạy. Thay vào đó, GV có thể áp dụng nhiều phương pháp có lồng ghép các KNM như: tổ chức thảo luận nhóm, tổ chức thuyết trình, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, ... nếu GV khéo léo tổ chức các hoạt động như thế SV sẽ tham gia vào quá trình giảng dạy một cách tự nhiên, nhờ đó lớp học sẽ sinh động hơn và đạt được hiệu quả cao hơn. Qua phỏng vấn trực tiếp, về lồng ghép KNM trong giảng dạy chuyên môn thực sự có giá trị không chỉ đối với sinh viên trong học tập mà cả trong rèn luyện KNM của bản thân. Các em thấy được sự thay đổi rõ rệt của chính mình, các em mạnh dạn hơn, tự tin hơn, quyết tâm và nghị lực hơn sau từng bài giảng. Mỗi bài giảng với những hoạt động đa dạng như mang đến cho chúng em những cơ hội trải nghiệm bản thân và thể hiện mình".

Hơn thế nữa, trong xu thế giảng dạy hiện nay, để đáp ứng với sự thay đổi của xã hội, thì việc giảng dạy cũng cần có những thay đổi. Việc đổi mới phương pháp được áp dụng rộng rãi ở các cấp, các bậc học. Để đảm bảo được điều đó, phải thực hiện chuyển từ phương pháp dạy học theo lối "truyền thụ một chiều" sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV - SV theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kỹ năng riêng lẻ của các môn học chuyên môn cần bổ sung các chủ đề học tập tích hợp liên môn nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp. Phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực tự học (*sử dụng tài liệu học tập, nghe, ghi chép, tìm kiếm thông tin...*), trên cơ sở đó trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của tư duy.

3. Kết luận

Nhận thấy tầm quan trọng của KNM trong xã hội hiện đại cũng như mong muốn đào tạo được nguồn nhân lực đáp ứng với nhu cầu của thị trường, từ năm 2013 Trường Đại học Trà Vinh là một trong số ít những trường áp dụng mô hình giảng dạy KNM như một học phần chính thức cho SV chính quy. Việc áp dụng giảng dạy KNM phù hợp với yêu cầu của thực tế - thời kì cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển từng phút từng giây. Điều này đòi hỏi nguồn nhân lực mới cần có bản lĩnh và nhận thức đúng đắn về chính bản thân mình. Trong đó nhận thức về tầm quan trọng của KNM cũng thật sự cần thiết; đồng thời SV đã nhận thức đúng mức về tầm quan trọng của KNM đối với bản thân trong mọi phương diện của cuộc sống. Từ đó, có bước chuẩn bị hợp lí để rèn luyện, tích lũy thêm vốn KNM cho bản thân. Đây cũng là bước góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai. Mặt khác, việc lồng ghép KNM trong giảng dạy còn giúp GV nâng cao hiệu quả của bài giảng, tạo hứng thú cho SV làm cho quá trình giảng dạy trở nên lôi cuốn, hấp dẫn hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tư Hậu, *Nhu cầu và thực trạng học tập Kỹ năng mềm của sinh viên - Trường Đại học Khoa học Đại học Huế hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2014.
2. Huỳnh Văn Sơn, *Thực trạng Kỹ năng mềm của sinh viên đại học Sư Phạm*, Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng, số 11/2012, tr. 93-98.
3. Lê Hà Thu, *Quản lí giáo dục Kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo hướng tiếp cận năng lực*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2016.
4. Đinh Thanh Xuân, *"Kết hợp rèn luyện Kỹ năng mềm trong giảng dạy - giải pháp tạo hứng thú học tập môn "Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin" cho sinh viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0"*, Tạp chí Giáo dục, số 430, kì 2, tháng 5/2018.
5. Susan H. Pulko và Samir Parikh, *Teaching Soft Skills to Engineers*, International Journal of Electrical Engineering Education.
6. Peggy Klaus, *The Hard Truth About Soft Skills* (dịch giả: Thanh Huyền) NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2012.
7. Sharayu Potnis, *Importance of soft skills in students' life*, Cyber Literature: The International Online Journal. 2013.
8. S. Mangala Ethalya Rani, *Need and Importance of soft skills in students*, Journal of Literature, culture and Media studies. 2010.